

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 104/2019/DS-ST

Ngày 07-11-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2019/TLST- DS ngày 10/6/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST- DS ngày 02/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/QĐST-DS ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Đường N, phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn Gi (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2019) – Có mặt.

Địa chỉ: Đường L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Hà T – Vắng mặt

Địa chỉ: đường V, phường K, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn G trình bày:

Ngày 02/6/2015 ông Đoàn Hà T có ký với Ngân hàng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 15/8/2014. Căn cứ theo thu nhập của ông Đoàn Hà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch rút tiền mặt đến ngày 05/9/2017 với tổng số tiền là 20.300.000 đồng, số tiền ông T đã thanh toán trả cho Ngân hàng đến ngày 05/10/2017 là 18.157.000 đồng, trong đó vốn gốc là 6.525.077 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 05/10/2017 là 9.679.183 đồng (lãi suất áp dụng 2,5%/tháng); Phí rút tiền mặt + phí sử dụng thẻ thường niên là 750.000 đồng, phí thanh toán trễ hạn là 1.202.740 đồng; Như vậy số tiền vốn gốc còn lại đến ngày 05/10/2017 là 15.239.466 đồng nhưng ông T không thanh toán nên đến ngày 05/01/2018 toàn bộ dư nợ trên đã chuyển nợ quá hạn và áp dụng theo Điều 23 của phụ lục điều khoản là bằng dư nợ gốc nhân với 150% lãi suất trong hạn. Như vậy tính đến ngày 10/4/2019 ông T phải trả cho Ngân hàng: 15.239.466 đồng tiền gốc và 8.762.540 đồng tiền lãi; Tổng cộng cả gốc và lãi là 24.002.006 đồng. Đến nay, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nợ ông T cũng như tạo điều kiện để ông T trả nợ nhưng ông T vẫn không có thiện chí thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông Đoàn Hà T trả cho Ngân hàng số tiền 24.002.006 đồng (trong đó 15.239.466 đồng nợ gốc và 8.762.540 đồng lãi tính đến ngày 10/4/2019) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/4/2019 cho đến khi ông T thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất 3,75%/tháng trên số dư nợ gốc từ ngày 11/4/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn ông Đoàn Hà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử cũng như nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; còn bị đơn chấp hành chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Buộc ông Đoàn Hà T trả cho Ngân hàng 15.239.466 đồng tiền nợ gốc và 8.762.540 đồng tiền nợ lãi; Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 10/4/2019 là 24.002.006 đồng và tiếp tục trả lại phát sinh theo mức lãi suất 3,75%/ tháng trên dư nợ gốc từ ngày 11/4/2019 cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đoàn Hà T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 02/6/2015 ông Đoàn Hà T với Ngân hàng thỏa thuận ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông T với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, không có tài sản bảo đảm, lãi suất và phí sử dụng thẻ theo Quyết định số 1120/2015/QĐ-TTT ngày 06/5/2015 của Ngân hàng 2,50%/tháng.

[3] Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện 07 lần giao dịch rút tiền mặt đến ngày 05/9/2017 với tổng số tiền là 20.300.000 đồng; Số tiền ông T đã thanh toán trả cho Ngân hàng đến ngày 05/10/2017 là 18.157.000 đồng, sau đó không thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nào nữa; Như vậy là ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng sử dụng thẻ mà hai bên đã ký kết với nhau. Ngày 05/01/2018 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông T sang nợ quá hạn và tính mức lãi suất 3,75%/tháng/ dư nợ gốc là có căn cứ theo Điều 23 phụ lục điều khoản mà hai bên đã ký kết.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được giao thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, trong đó ghi rõ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T, nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; Do đó nay Ngân hàng yêu cầu ông T phải thanh toán trả cho Ngân hàng 15.239.466 đồng tiền nợ gốc và 8.762.540 đồng tiền nợ lãi; Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 10/4/2019 là 24.002.006 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất 3,75%/tháng trên dư nợ gốc từ ngày 11/4/2019 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí sơ thẩm là: 24.002.006 đồng x 5% = 1.200.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí: 600.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Buộc ông Đoàn Hà T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền: 15.239.466 đồng tiền nợ gốc và 8.762.540 đồng tiền nợ lãi; Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 10/4/2019 là 24.002.006 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm không hai nghìn không trăm không sáu đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất 3,75%/tháng trên dư nợ gốc từ ngày 11/4/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Ông Đoàn Hà T phải chịu: 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí: 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) mà ông Lê Văn G đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001602 ngày 29/5/2019 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư